TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 14-8-2018.
V/v tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Lại Hiệp Phong.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Võ Lâm Sơn.

Ông Lê Đức Thụy.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang*:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 123/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm 1978; (có mặt).

Cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1978; (vắng mặt).

Cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông D cưới nhau vào năm 1997, hôn nhân do mai mối và được cha mẹ hai bên quyết định. Hai người không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn ông Thảo nhậu nhẹt, chơi bời. Hai người kkhông còn sống chung từ đó đến nay và không liên lạc nhau, không gặp mặt nhau. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với chồng là ông Nguyễn Thành D.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Trung K sinh ngày 15 tháng 3 năm 1999 và Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2010. Hiện nay, cháu K đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu N đang do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thành D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa: Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bà T và ông D cưới nhau vào năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà T và ông D là vợ chồng.

Về con chung: Đối với cháu K đã thành niên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến; đối với cháu N, bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu N. Xét thấy, cháu N đang sống với bà T phát triển tốt và nguyện vọng của cháu muốn được sống cùng với bà T. Do đó, để ổn định cuộc sống cho cháu, nghĩ nên giao cháu N cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

Về tài sản chung chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xem xét quyết định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà T khởi kiện ông D, ông D có nơi cư trú ấp M, xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thành D Bình đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về hôn nhân: Bà T và ông D được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1997. Ông bà có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình quy định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng". Xét, không công nhận bà Trương Thị T và ông Nguyễn Thành D là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Bà T xác định có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Trung K sinh ngày 15 tháng 3 năm 1999 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2010 đang được bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét, cháu N đang sống ổn định với bà T, phát triển tốt về thể chất và tinh thần và nguyện vọng cháu N muốn sống cùng bà T; bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, ông D cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3]. Về cấp dưỡng cho con: Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Bà T xác định không có nên không xét đến.

[5]. Về nợ chung: Bà T xác định không có nên không đề cập đến.

Ghi nhận việc bà T xác định ông bà không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của hai người trong thời kỳ hôn nhân thì bà T và ông Dvẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[6]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 228, 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử*:**

Về hôn nhân: Không công nhận bà Trương Thị T và ông Nguyễn Thành D là vợ chồng.

Về con chung: Bà Trương Thị T xác định có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Trung K sinh ngày 15 tháng 3 năm 1999 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2010; khi ly hôn, bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bảo N.

Về cấp dưỡng cho con: Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không đề cập giải quyết.

Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Trương Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai số 0019274 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 02 tháng 3 năm 2018.

Về quyền kháng cáo:

Bà T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Ông D có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lại Hiệp Phong

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu./.